**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ QUYỀN NHÂN THÂN THEO QUY ĐỊNH**

**CỦA BLDS 2015 (Phần 1)**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Na**

**1. Khái niệm và đặc điểm của quyền nhân thân**

***1.1. Khái niệm quyền nhân thân***

Quyền nhân thân là thuật ngữ pháp lý để chỉ những quyền gắn liền với bản thân con người, gắn liền với đời sống riêng tư của mỗi cá nhân. Từ xưa tới nay, khi nói đến quyền nhân thân người ta liên tưởng ngay đến các quyền có liên quan mật thiết đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của các cá nhân. Nói chung, quyền nhân thân là thứ quyền để bảo vệ cái “danh” của mỗi con người bao gồm: danh dự, danh tiếng, danh hiệu,… Một xã hội ngày càng tiến bộ bao nhiêu thì con người ngày càng được quý trọng bấy nhiêu, và do đó quyền nhân thân cũng ngày càng được pháp luật quy định đầy đủ, rõ ràng hơn.

BLDS 1995 là văn bản pháp lý đầu tiên đề cập tới quyền nhân thân, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình hiện thực hóa quyền con người. Kế thừa những quy định của BLDS 1995 về quyền nhân thân, Điều 24 BLDS 2005 có quy định khái quát quyền nhân thân như sau: “Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Việc quy định này khá chung chung, không đi vào cụ thể nên chúng ta có thể định nghĩa quyền nhân thân như sau:

Theo nghĩa khách quan: Quyền nhân thân được hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, trong đó nội dung quy định rõ cho các cá nhân có quyền nhân thân gắn liền với bản thân mình và đây là cơ sở để cá nhân thực hiện quyền của mình.

Theo nghĩa chủ quan: Quyền nhân thân là quyền dân sự chủ quan gắn liền với cá nhân do Nhà nước quy định cho mỗi cá nhân và cá nhân không thể chuyển giao quyền này cho người khác.

Qua 2 lần sửa đổi, chế định quyền nhân thân trong Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được hoàn thiện và có nhiều quy định cụ thể so với Bộ luật năm 2005 để giải quyết các vấn đề bất cập từ thực tiễn cũng như yêu cầu cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân về dân sự.

\* Chỉ quy định các quyền nhân thân liên quan đến việc xác định tư cách chủ thể của cá nhân

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định về các quyền nhân thân của cá nhân từ Điều 25 đến Điều 39. Điều 25 quy định: "Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".

Khác với quy định về quyền nhân thân trong Bộ luật năm 2005 có phạm vi rất rộng (26 quyền), trong đó bao gồm cả những quyền thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, quyền không chỉ gắn với lợi ích mà còn gắn cả với những lợi ích khác về tài sản... Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ quy định các quyền nhân thân liên quan đến việc xác định tư cách chủ thể của cá nhân khi tham gia các quan hệ dân sự và những quyền nhân thân gắn liền với lợi ích tinh thần của cá nhân, nhưng chưa được quy định cụ thể trong Hiến pháp. Những quyền đó gồm: quyền có họ, tên; quyền thay đổi họ; quyền thay đổi tên; quyền xác định, xác định lại dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử, quyền đối với quốc tịch; quyền của cá nhân đối với hình ảnh; quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền hiến nhận mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; quyền xác định lại giới tính; quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình.

Một số quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật Dân sự 2005 đã không được tiếp tục ghi nhận trong Bộ luật năm 2015, trong đó có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do đi lại, cư trú; quyền lao động; quyền tự do kinh doanh; quyền tự do nghiên cứu sáng tạo... Các quyền này thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, không chỉ gắn với lợi ích tinh thần của chủ thể, mà còn gắn với lợi ích khác về tài sản. Mặc khác, các quyền này cũng được các luật khác quy định cụ thể như Luật Cư trú, Bộ luật Lao động, Luật Sở hữu trí tuệ...

***1.2. Đặc điểm của quyền nhân thân***

Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với cá nhân mà không thể chuyển giao quyền này cho chủ thể khác. Quyền nhân thân có các đặc điểm sau đây:

Quyền nhân thân là một quyền dân sự và là quyền dân sự đặc biệt

Dưới góc độ pháp luật dân sự thì cá nhân là chủ thể chủ yếu, thường xuyên quan trọng và phổ biến của quan hệ dân sự. Các quyền mà pháp luật quy định cho cá nhân là vì con người và hướng tới con người, trong đó có các quyền nhân thân. Sở dĩ nói quyền nhân thân là quyền dân sự đặc biệt và các quyền này chỉ thuộc về cá nhân, trong khi đó các quyền khác (quyền tài sản) có thể thuộc về chủ thể khác (pháp nhân, hộ gia đình).

Mọi cá nhân đều có sự bình đẳng về quyền nhân thân

Mọi người đều có quyền nhân thân kể từ khi họ được sinh ra, không phân biệt giới tính, tôn giáo, giai cấp,… Chúng ta thấy quyền nhân thân có một sự khác biệt cơ bản với quyền tài sản vì quyền bình đẳng về mặt dân sự không quy định tất cả mọi người đều có khả năng hưởng những quyền như nhau. Nguyên tắc bình đẳng về mặt dân sự có nghĩa là mọi cá nhân đều có những quyền như nhau, đó không phải là một khả năng trừu tượng mà là một thực tế. Lợi ích của quyền nhân thân là được quy định như một thực tế chứ không phải là sự quy định mang tính hình thức.

Quyền nhân thân có tính chất phi tài sản

Quyền nhân thân không bao giờ là tài sản, chỉ có quyền nhân thân gắn với tài sản hay không gắn với tài sản mà thôi. Vì không phải là tài sản nên quyền nhân thân không bao giờ trị giá được thành tiền. Về mặt pháp lý, chúng ta cần phân định rõ tính chất phi tài sản của quyền nhân thân. Ví dụ: Một người sáng tạo ra sáng chế hay giải pháp hữu ích thì sáng chế hay giải pháp hữu ích đó do con người sáng tạo nên mang giá trị kinh tế, chứ bản thân “Quyền tự do sáng tạo” không phải là tài sản, không mang giá trị kinh tế.

Quyền nhân thân luôn gắn liền với cá nhân, không thể chuyển giao cho chủ thể khác

Điều 25 BLDS 2015 quy định: “Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Các quyền dân sự nói chung, quyền nhân thân nói riêng là do Nhà nước quy định cho các chủ thể dựa trên điều kiện kinh tế xã hội – xã hội nhất định. Do vậy, về mặt nguyên tắc, cá nhân không thể chuyển dịch quyền nhân thân cho chủ thể khác, nói cách khác thì quyền nhân thân không thể là đối tượng trong các giao dịch dân sự giữa các cá nhân. Điều này có nghĩa rằng bản thân chủ thể hưởng quyền nhân thân chứ họ không thể chuyển giao quyền này cho người khác và không ai có thể đại diện cho họ để thực hiện quyền này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật thì quyền nhân thân có thể chuyển giao cho chủ thể khác. Ví dụ: Quyền công bố, phổ biến tác phẩm của tác giả, khi tác giả chết đi thì quyền này có thể chuyển giao cho chủ thể khác (người thừa kế của tác giả). Mặc dù vậy thì có những yếu tố luôn gắn liền với chủ thể mà không thể thay đổi được, ví dụ: Quyền đứng tên tác giả, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

Quyền nhân thân là một quyền dân sự do luật định

Quyền nhân thân là một quyền nằm trong nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân. Pháp luật dân sự quy định cho các cá nhân có quyền nhân thân là một sự tuyên bố chính thức về các quyền con người cụ thể được pháp luật thừa nhận. Việc pháp luật quy định cho cá nhân có các quyền nhân thân khác nhau là dựa vào các điều kiện kinh tế xã hội. Do vậy, ở mỗi giai đoạn khác nhau của lịch sử xã hội loài người, phụ thuộc vào bản chất giai cấp, chế độ chính trị xã hội… mà quyền nhân thân của cá nhân được quy định một cách khác nhau. Quyền nhân thân là do Nhà nước “trang bị” cho cá nhân, Nhà nước không cho phép bất cứ cá nhân nào làm thay đổi hay chấm dứt quyền đó.